

**CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 2104-001/CV-CBTT.2026
V/v: CBTT BCTC quý 1 năm 2026

TP. Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 04 năm 2026

Kính gửi: • **ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC;**
• **SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH.**

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT**

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Toà nhà Crescent Residence 3, số 109 Tôn Dật Tiên, P.Tân Mỹ, TP.HCM

Điện thoại: (+84 28) 5413 8366

Fax: (+84 28) 5413 8370

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Tang, Shu-Chuan

Loại công bố thông tin: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

Nội dung của thông tin công bố:

- Báo cáo tài chính (Riêng) quý 1 năm 2026.
- Báo cáo tài chính (hợp nhất) quý 1 năm 2026.
- Giải trình cho số liệu lợi nhuận sau thuế quý 1 năm 2026 trên Báo cáo tài chính Hợp nhất thay đổi hơn 10% so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau:

Chỉ tiêu	Quý 1 năm 2026	Quý 1 Năm 2025	Chênh lệch	Tỷ lệ tăng/ (giảm)
Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	2.370.604.829	4.626.513.422	(2.255.908.593)	(48,8)%

Trong Quý 01/2026, Lợi nhuận sau thuế hợp nhất giảm 48,8%. Kết quả kinh doanh biến động chủ yếu bắt nguồn từ việc giảm doanh thu từ hoạt động tài chính so với kỳ trước. Lợi nhuận sau thuế hợp nhất theo đó đã giảm tương ứng như thể hiện trong kết quả hoạt động kinh doanh kỳ.

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty Cổ phần Đầu tư Nhãn hiệu Việt tại: <https://www.vbinvest.com.vn>, mục Cổ Đông phần Báo Cáo Công Bố.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Hồ sơ kèm theo:

Báo cáo tài chính (Riêng) và Báo cáo tài chính (Hợp nhất) quý 1 năm 2026;

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu Công ty.



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		36,335,558,860	36,232,763,785
110	Tiền và các khoản tương đương tiền	I.1	35,004,167,338	26,903,969,333
111	Tiền		504,167,338	603,969,333
112	Các khoản tương đương tiền		34,500,000,000	26,300,000,000
120	Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	8,000,000,000
123	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	I.2	1,313,210,115	8,000,000,000
130	Các khoản phải thu ngắn hạn		138,430,321	40,000,000
132	Trả trước cho người bán ngắn hạn	I.3	1,174,779,794	1,274,008,562
135	Phải thu ngắn hạn khác	I.4	-	-
140	Hàng tồn kho		-	-
150	Tài sản sinh học ngắn hạn		-	-
160	Tài sản ngắn hạn khác		18,181,407	14,785,890
162	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		14,184,004	14,184,004
163	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	I.8	3,997,403	601,886
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		171,269,900,000	171,294,800,000
210	Các khoản phải thu dài hạn		-	-
220	Tài sản cố định		-	-
230	Tài sản sinh học dài hạn		-	-
240	Bất động sản đầu tư		-	-
250	Tài sản dở dang dài hạn		-	-
260	Đầu tư tài chính dài hạn	I.5	170,000,000,000	170,000,000,000
261	Đầu tư vào công ty con		170,000,000,000	170,000,000,000
270	Tài sản dài hạn khác		1,269,900,000	1,294,800,000
271	Chi phí chờ phân bổ dài hạn	I.6	1,269,900,000	1,294,800,000
280	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		207,605,458,860	207,527,563,785
Mã số	NGUỒN VỐN		Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
300	NỢ PHẢI TRẢ		249,354,834	270,144,881
310	Nợ ngắn hạn		249,354,834	270,144,881
314	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	I.7	18,403,834	46,258,881
315	Phải trả người lao động		84,321,000	84,321,000
316	Chi phí phải trả ngắn hạn	I.8	80,000,000	80,000,000
320	Phải trả ngắn hạn khác		66,630,000	59,565,000
330	Nợ dài hạn		-	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU	I.9	207,356,104,026	207,257,418,904
411	Vốn góp của chủ sở hữu		200,000,000,000	200,000,000,000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		200,000,000,000	200,000,000,000
420	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		7,356,104,026	7,257,418,904
420a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		7,257,418,904	7,181,838,937
420b	- LNST chưa phân phối kỳ này		98,685,122	75,579,967
429	Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		207,605,458,860	207,527,563,785

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật

Nguyễn Hải Linh

Nguyễn Hải Linh

TP. HCM, ngày 21 Tháng 04 Năm 2026

Chức vụ: Tổng giám đốc

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

DVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
1	2	3	4	5	4	5
01	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
02	Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-	-	-
10	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
11	Giá vốn hàng bán		-	-	-	-
20	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		-	-	-	-
21	Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư		-	-	-	-
22	Doanh thu hoạt động tài chính	II.1	373,073,759	418,168,438	373,073,759	418,168,438
23	Chi phí tài chính		-	-	-	-
24	- Trong đó: Chi phí đi vay		-	-	-	-
25	Chi phí bán hàng		-	-	-	-
26	Chi phí quản lý doanh nghiệp	II.2	244,217,037	258,731,413	244,217,037	258,731,413
30	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		128,856,722	159,437,025	128,856,722	159,437,025
31	Thu nhập khác		-	-	-	-
32	Chi phí khác	II.3	30,171,600	24,900,000	30,171,600	24,900,000
40	Lợi nhuận khác		(30,171,600)	(24,900,000)	(30,171,600)	(24,900,000)
50	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		98,685,122	134,537,025	98,685,122	134,537,025
51	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	31,887,405	25,771,344	31,887,405
52	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-	-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		98,685,122	102,649,620	72,913,778	102,649,620
61	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ					
62	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát					
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	II.4				
71	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	II.4				

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Nguyễn Hải Linh

Nguyễn Hải Linh

TP. HCM, ngày 21 Tháng 04 Năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Tang, Shu - Chuan

Chức vụ: Tổng giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

ĐVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm nay	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này năm trước
1	2	3	4	5
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		98,685,122	134,537,025
	2. Điều chỉnh cho các khoản		-	(418,168,438)
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		-	-
03	- Các khoản dự phòng		-	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(418,168,438)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính		-	-
06	- Chi phí đi vay		-	-
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		98,685,122	(283,631,413)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		798,447	(19,000,000)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		-	-
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		15,918,500	69,852,500
12	- Tăng, giảm Chi phí chờ phân bổ		24,900,000	27,802,771
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền đi vay đã trả		-	-
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(40,104,064)	(109,179,829)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		100,198,005	(314,155,971)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	-
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	(34,000,000,000)
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		8,000,000,000	33,000,000,000
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	882,784,886
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		8,000,000,000	(117,215,114)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay		-	-
34	4. Tiền trả nợ gốc vay		-	-
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		8,100,198,005	(431,371,085)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		26,903,969,333	1,160,824,184
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	I.1	35,004,167,338	729,453,099

Người lập biểu



Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng



Nguyễn Hải Linh



TP. HCM, ngày 21 Tháng 04 Năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

Tang, Shu - Chuan
Chức vụ: Tổng giám đốc

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

1	Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Tiền mặt	59,565,000	59,565,000
	Tiền gửi ngân hàng	444,602,338	544,404,333
	Các khoản tương đương tiền	34,500,000,000	26,300,000,000
	Cộng	35,004,167,338	26,903,969,333
2	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Tiền gửi có kỳ hạn	-	8,000,000,000
	Cộng	-	8,000,000,000
3	Trả trước cho người bán ngắn hạn/dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Bên liên quan	-	-
	Trả trước cho người bán ngắn hạn	138,430,321	40,000,000
	Cộng	138,430,321	40,000,000
4	Phải thu ngắn/dài hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Phải thu ngắn hạn khác		
	Bên liên quan	-	-
	Cổ tức từ công ty con	-	-
	Giải thể từ công ty con	1,015,412,311	1,015,412,311
	Phải thu các tổ chức cá nhân khác		
	Lãi dự thu	121,222,603	220,451,371
	Phải thu khác	38,144,880	38,144,880
	Cộng	1,174,779,794	1,274,008,562
5	Đầu tư tài chính dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Công ty TNHH MTV Thương mại Dịch vụ Cuộc sống mới	170,000,000,000	170,000,000,000
	Cộng	170,000,000,000	170,000,000,000
6	Chi phí trả trước	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Chi phí trả trước dài hạn		
	Công cụ dụng cụ;	-	-
	Tiền thuê đất (*)	1,269,900,000	1,294,800,000
	Cộng	1,269,900,000	1,294,800,000
(*) Đây là khoản thuê đất theo hợp đồng thuê nhà đất số 02/HĐTND.2018 ngày 25/12/2018 của bà Trương Thị Vân - Tổng giám đốc Công ty và chồng bà Vân đồng sở hữu tại khu đất: Thửa đất số 819, tờ bản đồ số 54, Phường An Phú Đông, Quận 12, TP. HCM. Mục đích thuê đất: Làm nhà xưởng kinh doanh, văn phòng, hoặc nhu cầu khác của Công ty. Thời hạn thuê là 20 năm từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2038.			
7	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số phát sinh trong kỳ	Cuối kỳ
	Đầu kỳ	Phải nộp	Phải thu
	Chi tiết:	Phải nộp	Phải thu
	Thuế giá trị gia tăng nội địa	-	-
	Thuế thu nhập doanh nghiệp	36,708,547	3,395,517
	Thuế thu nhập cá nhân	9,550,334	-
	Các khoản phí, lệ phí khác	-	601,886
	Cộng	46,258,881	3,997,403
8	Chi phí phải trả ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	Chi phí kiểm toán	80,000,000	80,000,000
	Cộng	80,000,000	80,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Crescent Residence 3, số 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Mỹ, TP. HCM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

9 Vốn chủ sở hữu**a) Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	LNST thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu kỳ trước	200,000,000,000	7,181,838,937	207,181,838,937
Tăng trong kỳ trước		75,579,967	75,579,967
Lãi trong kỳ trước		75,579,967	75,579,967
Số dư cuối kỳ trước, đầu kỳ này	200,000,000,000	7,257,418,904	207,257,418,904
Tăng trong kỳ này	-	98,685,122	98,685,122
Lãi trong kỳ này		98,685,122	98,685,122
Số dư cuối kỳ này	200,000,000,000	7,356,104,026	207,356,104,026

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Vốn	Tỷ lệ	Vốn	Tỷ lệ
Công Ty Cổ Phần Phát triển Quang Thái	79,403,500,000	39.70%	79,403,500,000	39.70%
Công ty TNHH Phát triển Đồng Đức	49,500,000,000	24.75%	49,500,000,000	24.75%
Công ty TNHH Phát triển Đồng Thịnh	28,700,000,000	14.35%	28,700,000,000	14.35%
Các cổ đông khác	42,396,500,000	21.20%	42,396,500,000	21.20%
Cộng	200,000,000,000	100%	200,000,000,000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	200,000,000,000	200,000,000,000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	200,000,000,000	200,000,000,000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

d) Cổ phiếu

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20,000,000	20,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	20,000,000	20,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)		
+ Cổ phiếu phổ thông		
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20,000,000	20,000,000
+ Cổ phiếu phổ thông	20,000,000	20,000,000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)		
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu		

II. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**1 Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
Lãi tiền gửi	373,073,759	418,168,438
Cộng	373,073,759	418,168,438

2 Chi phí tài chính

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
Hoàn nhập dự phòng tổn thất đầu tư công ty con	-	-
Cộng	-	-

3 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này năm nay	Kỳ này năm trước
Chi phí cho nhân viên quản lý	199,065,000	199,865,000
Thuế, phí và lệ phí		3,000,000
Các chi phí khác	45,152,037	55,866,413
Cộng	244,217,037	258,731,413

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ NHÃN HIỆU VIỆT

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Crescent Residence 3, số 109 Tôn Dật Tiên, P. Tân Mỹ, TP. HCM

Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho quý kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2026

4 Chi phí khác

Các khoản khác (*)

Kỳ này năm nay

Kỳ này năm trước

30,171,600

24,900,000

Cộng

30,171,600

24,900,000

(*) Chi phí không có hóa đơn chứng từ hợp lệ

4 Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này không trình bày trên báo cáo (riêng) của Công ty CP Đầu tư Nhãn Hiệu Việt vì đây là Công ty mẹ. Căn cứ vào điểm 3.19, khoản 3, điều 113, Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Người lập biểu

(Ký, họ tên)



Nguyễn Hải Linh

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)



Nguyễn Hải Linh

TP. HCM, ngày 21 Tháng 04 Năm 2026

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên; đóng dấu)



Tang, Shu - Chuan

Chức vụ: Tổng giám đốc